

Số: 77 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 09 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kế hoạch chi trả nợ gốc, lãi, phí và
chi phí các khoản vay của chính quyền địa phương năm 2023**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 05/TTr-STC ngày 05/01/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch chi trả nợ gốc, lãi, phí và chi phí các khoản vay của chính quyền địa phương năm 2023 (chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Tùy tình hình thực tế phát sinh nghĩa vụ chi trả gốc, lãi, phí và các chi phí có liên quan làm tăng, giảm kế hoạch chi tiết nhưng vẫn nằm trong phạm vi dự toán đã được giao, Sở Tài chính chủ động thực hiện chi trả và báo cáo kết quả thực hiện cho UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Ng. Tự Công Hoàng;
- Lưu: VT, KI, K17.

[Handwritten mark]

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch chi trả nợ năm 2023			Thời điểm trả	Ghi chú
		Tổng cộng	Gốc (từ nguồn cấp quyền sử dụng đất)	Lãi, phí và chi phí khoản vay (từ nguồn chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay)		
	Vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ	39.039	31.700	7.339		
1	Dự án Vệ sinh môi trường các thành phố duyên hải	1.150	1.150		trước ngày 15/3 và 15/9	
2	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	5.874	4.799	1.075	trước ngày 15/6 và 15/12	
3	Dự án Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	5.372	4.172	1.200	trước ngày 01/4 và 01/10	
4	Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn	24.510	21.579	2.931	trước ngày 01/7 và 31/12	
5	Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM)	2.133		2.133	trước ngày 15/02 và 15/8	